

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 191/2022/DS-ST

Ngày: 20-7-2022

*V/v: tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T3 tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 30/2022/DSST ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 397/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S1

Địa chỉ: 266-268 N1, phường X, quận Y, Tp.H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: 270B B2, Phường Z, quận B3, Tp. Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn B1 – sinh năm 1989

Địa chỉ: 35/24 N1, phường T2, quận T3, Tp.H

( Ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có ông Nguyễn Mạnh T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08/05/2018, ông B1 có ký với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh B1 Thạnh- PGD Phan Văn Trị (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản

và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào chính sách cấp thẻ và thu nhập của ông B1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Thẻ Visa Payvawe Credit Gold số thẻ 472075 – 2122 với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông B1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 57.790.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.828.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/04/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 20/7/2022, ông B1 còn nợ số tiền là 101.666.329 đồng trong đó nợ gốc là 48.297.379 đồng, lãi quá hạn là 53.368.950 đồng

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn B1 thanh toán số nợ trên một lần, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Ông Nguyễn Tuấn B1 có trách nhiệm thanh toán khoản phí và lãi phát sinh từ ngày 21/7/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn B1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông B1 đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định nên Tòa án không T1 hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn B1 vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định

tại các Điều 21, 26, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 228, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 19/08/2020 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Tuấn B1 hiện cư trú tại quận T3 nên Tòa án nhân dân quận T3 giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2]. Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn do ông Nguyễn Mạnh T1 đại diện theo ủy quyền, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Tuấn B1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông B1 đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

*[3]. Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/5/2018 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Tuấn B1; Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 405; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông B1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Mục 13 và Mục 24 bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 08/5/2018 nên ngân hàng yêu cầu ông B1 thanh toán

nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/7/2022 là 101.666.329 đồng (nợ gốc : 48.297.379 đồng, lãi quá hạn: 53.368.950 đồng) là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Mặt khác, trong quá suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông B1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho Ngân hàng. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B1 thanh toán số nợ trên là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ

Căn cứ khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 21/7/2022 theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[3.4]. Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Tuấn B1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP S1 số tiền là 101.666.329 đồng (nợ gốc là 48.297.379 đồng, lãi quá hạn là 53.368.950 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi thanh toán xong số nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T3 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Tuấn B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.083.316 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 1.438.175 đồng cho Ngân hàng TMCP S1.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179; Điều 227; Điều 228; các Điều 264, 266, 267, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 405; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Buộc ông Nguyễn Tuấn B1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 08/5/2018 là 101.666.329 đồng (nợ gốc là 48.297.379 đồng, lãi quá hạn là 53.368.950 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Tuấn B1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 08/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn B1 phải nộp số tiền án phí là 5.083.316 đồng

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.438.175 (một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1

theo biên lai thu số AA/2019/0068315 ngày 15/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân B1.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3. Quyền kháng cáo:**

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1, ông Nguyễn Tuấn B1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hương Giang**